

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5212/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần IX;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6261/SCT-XNH.XTCT ngày 17 tháng 8 năm 2012 về phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các Tổng Công ty, Công ty Mẹ - Con trực thuộc Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung kế hoạch của Chương trình này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, nhằm thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 đạt hiệu quả cao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Thống kê, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, các Tổng Giám đốc các Tổng Công ty và Công ty mẹ, con trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu

trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU HÀNG XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2020:

- Tăng cường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm góp phần tăng trưởng GDP và đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của Thành phố.

- Phát triển xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý, vừa mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa chú trọng nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất các mặt hàng, dịch vụ xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh và phù hợp với thế mạnh của Thành phố.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tập trung nâng tỷ trọng trong cơ cấu hàng xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm thân thiện với môi trường; đẩy mạnh các phương thức kinh doanh dịch vụ xuất khẩu nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13%/năm.

- Thực hiện xã hội hóa khuyến khích, huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, thúc đẩy nhanh việc xây dựng thương hiệu của các sản phẩm xuất khẩu nhằm đáp ứng yêu cầu và đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu: Vừa chú trọng thị trường trong nước, vừa quan tâm mở rộng thị trường xuất khẩu; giữ vững và mở rộng thị phần các thị

trường lớn đồng thời đa dạng hóa hơn nữa thị trường xuất khẩu để tránh lệ thuộc, rủi ro trong xuất khẩu. Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hình thức xúc tiến thương mại, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XUẤT NHẬP KHẨU 2011 - 2015:

- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Thành phố (không tính dầu thô) bình quân trong giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13%/năm. Trong đó: nhóm hàng công nghiệp tăng 13,1%/năm; nhóm hàng nông, lâm và thủy sản tăng 11,9%/năm; nhóm hàng hóa khác tăng 14%/năm.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2011 - 2015 (137.085 triệu USD) gấp 2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010 (70.260,3 triệu USD).

- Định hướng đến năm 2015: Nhóm hàng công nghiệp chiếm tỷ trọng 54,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố (trong đó sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm phần mềm xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn, sẽ trở thành sản phẩm xuất khẩu chủ lực của thành phố); nhóm hàng nông, lâm và thủy sản chiếm tỷ trọng 23,1% và nhóm hàng hóa khác chiếm tỷ trọng 22,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố.

- Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 12%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu thấp hơn tăng trưởng xuất khẩu, góp phần thực hiện chính sách của Chính phủ giảm dần thâm hụt thương mại, kiểm soát nhập siêu ở mức hợp lý và hướng đến mục tiêu cân bằng cán cân thương mại.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU HÀNG XUẤT KHẨU ĐẾN NĂM 2020:

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2006 - 2010 của thành phố 18,5%/năm. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu của Thành phố không tính dầu thô đạt 19,26 tỷ USD, tăng 18,8% so với năm 2010. Cơ cấu xuất khẩu của Thành phố đã từng bước chuyển dịch theo hướng nâng dần tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo, nhóm hàng có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, giảm dần xuất khẩu hàng thô. Đến thời điểm hiện nay (tháng 7 năm 2012), thành phố có 3 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, gồm dệt may, giày dép, máy vi tính - sản phẩm điện tử, linh kiện.

Căn cứ tình hình phát triển xuất khẩu giai đoạn 2006 - 2010 và đặc biệt năm 2011, năm đầu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015, cũng là năm gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng và giảm đầu tư công; để đảm bảo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân không kể dầu thô giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13%/năm, cơ cấu hàng xuất khẩu đến năm 2015 dự kiến sẽ chuyển dịch theo hướng như sau:

- Giữ vững tốc độ xuất khẩu nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cao (dệt may, giày dép), thúc đẩy tăng trưởng nhóm hàng xuất khẩu tiềm năng (sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, công nghiệp nội dung số) và giảm kim ngạch, tỷ trọng xuất khẩu thô đối với nhóm hàng nông - lâm - thủy hải sản.

- Tập trung phát triển nhóm dịch vụ phục vụ xuất khẩu theo đó tác động mạnh mẽ và thúc đẩy hàng hóa xuất khẩu ngày càng nhiều với quy mô kim ngạch ngày càng lớn, bao gồm các mảng dịch vụ cụ thể như: dịch vụ logistics, dịch vụ xuất khẩu phần mềm, hội chợ triển lãm, trung tâm thương mại quốc tế, dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công nghệ cao....

- Tiếp tục gia tăng tỷ trọng xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á, đồng thời chú trọng khai thác các thị trường tiềm năng của khu vực Châu Phi, Trung Đông, Nam Mỹ và Châu Đại Dương.

Cụ thể đối với các nhóm, mặt hàng:

1. Nhóm sản phẩm công nghiệp (trong đó có sản phẩm công nghệ cao): tiếp tục là nhóm hàng xuất khẩu chủ lực. Tốc độ tăng trưởng bình quân nhóm dự kiến tăng 13,1%/năm và chiếm tỷ trọng 54,4% tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 (nếu tính cả kim ngạch xuất khẩu phần mềm sẽ chiếm tỷ trọng 55%, riêng sản phẩm công nghệ cao chiếm tỷ trọng gần 10% tổng giá trị hàng xuất khẩu). Trong đó:

- Hàng dệt may, giày dép: vẫn là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Thành phố đến năm 2015, sau đó có xu hướng ổn định mức tỷ trọng xuất khẩu, do đây là ngành hàng có thâm dụng lao động cao mà Thành phố không có lợi thế. Việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu chỉ có thể thông qua việc mở rộng sản xuất, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và sản phẩm, tăng hàm lượng giá trị tạo mới của sản phẩm xuất khẩu bằng cách tập trung vào khâu thiết kế kiểu dáng, tạo mẫu sản phẩm và xây dựng nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước. Cụ thể:

- + Dệt may: dự kiến đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu gấp 2 lần so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 22% (năm 2010 đạt 3,3 tỷ USD). Bên cạnh yếu tố nâng cao

giá trị tăng thêm của sản phẩm, việc đa dạng hóa thị trường và sản phẩm là yếu tố cơ bản để tăng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới. Về lâu dài, cần chọn lọc một số sản phẩm dệt may chủ lực, có lợi thế cạnh tranh để phát triển.

Thị trường xuất khẩu cần hướng tới là thị trường có sức mua lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản với thị phần ổn định. Tiếp tục phát triển các thị trường tiềm năng như Lào, Campuchia, Myanmar, Ấn Độ với các dòng sản phẩm trung bình, đồng thời phát triển các thị trường nhỏ lẻ nhưng đóng vai trò là trung tâm mua sắm của các khu vực như Hồng Kông, Singapore với các dòng sản phẩm cao cấp và các thị trường mới như Trung Đông, Châu Đại Dương....

+ Giày dép: dự kiến đến năm 2015 đạt kim ngạch xuất khẩu gấp 2,3 lần so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 9,2% (năm 2010 đạt 1,2 tỷ USD).

Thị trường xuất khẩu chính của giày dép trong 5 năm tới vẫn là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Bên cạnh đó, tiếp tục phát triển một số thị trường có mức tăng trưởng cao như Ấn Độ, Panama, Philippine, Thái Lan và các thị trường bước đầu có sự tham gia của hàng giày dép Việt Nam như Argentina, Chile, Israel, New Zealand, Slovakia...

- Sản phẩm công nghệ cao:

Đây là nhóm sản phẩm có tiềm năng tăng trưởng mạnh và được xác định là mặt hàng chủ lực trong thời gian tới khi các doanh nghiệp ở Khu Công nghệ cao đã đi vào hoạt động. Dự kiến đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu gấp 5,9 lần so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 9,9% (năm 2010 đạt 499 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao vẫn tập trung là Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU và ASEAN.

- Gỗ và sản phẩm gỗ:

Với thế mạnh về nhân công và tay nghề, sản phẩm gỗ và thủ công mỹ nghệ là ngành còn tiềm năng để phát triển và sẽ có bước phát triển đột phá nhờ hướng phát triển dòng sản phẩm đồ gỗ cao cấp và có sự kết hợp nhiều chất liệu trên cùng một sản phẩm. Dự kiến đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu gấp 1,8 lần so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 2,2% (năm 2010 đạt 356 triệu USD).

Về thị trường xuất khẩu, tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu, đồng thời tìm kiếm và mở rộng các thị trường mới như Trung Đông, Mỹ Latinh,...

2. Nhóm nông - lâm - thủy hải sản:

Đây là nhóm hàng cần nâng cao giá trị gia tăng để tăng kim ngạch xuất khẩu, trong đó trọng tâm là các mặt hàng thủy hải sản, gạo, cà phê, rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, thực phẩm chế biến... Do sản xuất nông nghiệp phải chịu những hạn chế mang tính cơ cấu như diện tích, khả năng khai thác, đánh bắt có hạn và yếu tố thời tiết nên tốc độ tăng trưởng bình quân của nhóm ở mức 11,9%/năm trong thời kỳ 5 năm 2011 - 2015. Bên cạnh đó, nhu cầu của thị trường thế giới có hạn và giá cả lại không ổn định. Vì vậy, số kim ngạch tuyệt đối vẫn tăng nhưng tỉ trọng của nhóm giảm dần từ 25,5% năm 2011 xuống còn 23,1% vào năm 2015.

Hướng phát triển chủ đạo là thực hiện chuyển dịch cơ cấu toàn lĩnh vực nông lâm thủy hải sản, trong mỗi ngành, trong từng loại sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Vì vậy, cần có sự đầu tư thích hợp vào khâu giống và công nghệ chế biến sau thu hoạch, kể cả đóng gói, bảo quản, vận chuyển... để tạo ra những đột phá về năng suất và chất lượng sản phẩm.

Đối với ngành chế biến thủy hải sản xuất khẩu: do không có lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu và khó khăn trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường nên thời gian tới cần định hướng tập trung đầu tư phát triển lực lượng đánh bắt xa bờ với phương tiện hiện đại, thiết bị và công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm tinh có giá trị gia tăng cao, chủng loại đa dạng và chất lượng bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Xuất khẩu thủy hải sản đến năm 2015 dự kiến gấp 2 lần so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 3,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu chung của Thành phố.

Về thị trường xuất khẩu, vẫn tiếp tục khai thác xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc. Mở rộng thị trường ASEAN, Trung Quốc, các nước Ả Rập, Châu Phi, Trung và Nam Mỹ.

3. Nhóm hàng hóa khác chiếm tỷ trọng 22,5% kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015, bao gồm sản phẩm công nghiệp đóng tàu, thép và các sản phẩm từ gang thép, máy biến thế và động cơ điện, giấy bìa và các sản phẩm từ giấy bìa, hóa mỹ phẩm, chất tẩy rửa, sản phẩm đông y dược, thực phẩm chế biến....

IV. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP:

Để thực hiện được những mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra trong Kế hoạch chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu của Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng 2020 cần phải triển khai thực hiện một cách toàn diện và đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

1. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ (nhất là các tuyến đường trọng điểm ra vào cảng), luồng lạch, kho tàng, bến bãi, cảng biển và các địa điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Rà soát, sắp xếp, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp hiện có theo hướng củng cố, lấp đầy, sử dụng hiệu quả diện tích. Về lâu dài, Thành phố chủ trương không phát triển thêm các khu công nghiệp tổng hợp mà nên tập trung hình thành các khu công nghiệp chuyên ngành theo hướng đồng bộ hóa và chuyên môn hóa. Tập trung xây dựng một số khu công nghiệp chuyên ngành như khu công nghiệp cơ khí chế tạo và điện tử; công nghiệp phần mềm, khu công nghiệp hóa chất, dệt may, da giày...; khu công nghiệp liên kết sản phẩm phụ trợ cho Khu Công nghệ cao, trở thành cánh tay nối dài của Khu Công nghệ cao.

- Khuyến khích Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tiếp tục thực hiện đề án về Khu Bảo thuế trong Khu Công nghệ cao khi quy hoạch tổng thể giai đoạn 2 của Khu Công nghệ cao được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để hỗ trợ các doanh nghiệp bước đầu đã có sản phẩm xuất khẩu như Intel, Nidec...

- Khuyến khích Công ty Phát triển Công nghiệp Sài Gòn đầu tư xây dựng và triển khai đề án thành lập Trung tâm Logistics khoảng 69ha tại Cảng Cát Lái nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển dịch vụ logistics trọn gói cho hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn thành phố do tính chất cửa ngõ quan trọng của khu vực này trong định hướng phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, đặc biệt là việc phát triển và tái cấu trúc hệ thống cảng biển - công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn trong tổng thể quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc hình thành Trung tâm Logistics tại cảng Cát Lái giúp tối ưu hóa chi phí cho hàng xuất khẩu, tổ chức hàng hóa lưu thông, tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải, giao nhận, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu... thành một chuỗi hợp lý.

- Phát triển các mô hình hỗ trợ xuất khẩu, xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp dệt may, da giày, đồ gỗ, sản phẩm nhựa, điện tử trong mỗi liên kết Vùng (Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ). Theo đó, các địa phương phối hợp chặt chẽ hoạt động cung cấp thông tin, dự báo về thị trường, nguồn cung nguyên phụ liệu...

2. Giải pháp về thị trường:

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, chuyên đề xuất khẩu phối hợp chặt chẽ giữa

việc xây dựng chương trình xúc tiến của thành phố và Trung ương để đạt hiệu quả cao nhất, tăng cường các hoạt động xúc tiến hàng hóa ở thị trường nội địa cùng lúc với mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao kim ngạch vào các thị trường mới. Bên cạnh đó, tập trung khai thác theo chiều sâu, chiều rộng đối với các thị trường xuất khẩu truyền thống, thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng đi đôi với việc phát triển các thị trường có chung đường biên giới với Việt Nam như Trung Quốc, Lào, Campuchia.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại để thúc đẩy hợp tác đầu tư và thương mại giữa Thành phố với các địa phương và các quốc gia. Tăng cường chất lượng và tần suất các hoạt động xúc tiến thương mại (hội chợ, triển lãm quốc tế, tổ chức các đoàn doanh nghiệp thâm nhập vào các thị trường; thông tin thị trường; đào tạo - huấn luyện). Chú trọng nội dung trợ giúp về kỹ thuật để xúc tiến xuất khẩu cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thông tin dự báo về tiềm năng, cơ hội thị trường, chú trọng tận dụng ưu đãi từ các cam kết quốc tế và hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia.

- Biện pháp kết nối thị trường trong nước và xuất khẩu, hình thành mạng lưới liên kết doanh nghiệp thương mại - dịch vụ - vận tải.

- Nghiên cứu đưa hàng của thành phố tham gia trực tiếp vào hệ thống phân phối của các siêu thị lớn ở Châu Âu.

- Thí điểm triển khai mô hình cơ quan xúc tiến thương mại thành phố ở nước ngoài nhằm chủ động trong phát triển hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Khuyến khích hình thức hợp tác giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhằm khai thác thế mạnh về vốn, mặt bằng, kinh nghiệm quản trị hiện đại của các nhà bán lẻ nước ngoài để đưa hàng hóa Việt Nam vào hệ thống bán lẻ trong và ngoài nước.

3. Giải pháp cụ thể đối với một số mặt hàng trọng điểm:

3.1. Dệt may:

- Giảm dần sự phụ thuộc vào các đơn hàng gia công, tập trung nâng cao sản xuất với hình thức FOB, ODM, tăng cường sử dụng nguồn nguyên phụ liệu được cung cấp bởi các doanh nghiệp nội địa.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ xuất khẩu.

- Định kỳ hàng năm tổ chức Hội chợ triển lãm nguyên phụ liệu dệt may do doanh nghiệp trong nước sản xuất hoặc cung ứng.

- Khuyến khích phát triển ngành thiết kế tạo mẫu, thời trang, tăng cường năng lực thiết kế mẫu mã sản phẩm và gia tăng tỉ lệ nguyên phụ liệu trong nước tự đáp ứng được, chú trọng ngành dệt may và da giày nhằm chuyển hướng phát triển ngành dệt may và da giày từ sản xuất gia công xuất khẩu theo mẫu thiết kế của nước ngoài sang tự thiết kế mẫu thời trang trong những đơn hàng xuất FOB thông qua các hoạt động cung cấp thông tin về mẫu mã, thị hiếu, xu hướng thời trang thế giới; các hoạt động xúc tiến thương mại, hội nghị, hội thảo, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ thời trang quốc tế...

- Tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm dệt may cao cấp có hàm lượng sáng tạo và giá trị gia tăng cao;

- Đẩy mạnh khai thác và gia tăng xuất khẩu vào các thị trường mới, những thị trường ngách, thị trường nhỏ nhưng chấp nhận giá xuất khẩu cao và có nhu cầu về các sản phẩm đặc thù như Trung Quốc, Hàn Quốc, Angola, New Zealand, Nga, Ấn Độ... giảm phụ thuộc tại các thị trường như: Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản. Trong số các thị trường mới phải kể đến Hàn Quốc là những thị trường có sức tiêu thụ khá lớn.

3.2. Da giày:

- Tập trung sản xuất xuất khẩu những mặt hàng có lợi thế, được thị trường Bắc Mỹ ưa chuộng như giày thể thao, giày da nam nữ, dép trong nhà...

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác thị trường Hoa Kỳ, làm cơ sở để thâm nhập các thị trường khác trong khu vực có nhu cầu nhập khẩu lớn mặt hàng này như Canada, Brazil, Mexico... Hiện nay Việt Nam trở thành nhà cung cấp hàng giày dép lớn thứ hai vào thị trường Hoa Kỳ và cơ sở sản xuất lớn nhất của Nike do chi phí lao động rẻ hơn. Nhu cầu thị trường Hoa Kỳ rất lớn nên việc thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường này rất cần thiết, nhất là trong bối cảnh xuất khẩu vào EU giảm sút.

- Chú ý khai thác các thị trường tiềm năng mà hàng Việt Nam có nhiều lợi thế như Lào, Campuchia, Myanmar, để thông qua thị trường này đưa hàng thâm nhập thị trường các nước lân cận.

- Nâng dần tỷ lệ nguyên liệu nội địa, giảm bớt áp lực nhập khẩu từ bên ngoài. Hiện nay, ngành da giày phải nhập khẩu 50% nguyên liệu sản xuất là nguyên nhân chính của việc giá trị gia tăng thu được từ các sản phẩm xuất khẩu thấp. Do đó, việc đầu tư phát triển ngành công nghệ thuộc da cần được thúc đẩy, để giúp doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên phụ liệu.

- Cần có chính sách điều tiết xuất khẩu giày dép vào thị trường EU, do hiện nay thị trường này vẫn còn là một thị trường lớn và mang tính quyết định, mở ra cơ hội gia tăng thị phần cho giày dép Việt Nam khi Trung Quốc giảm xuất khẩu vào thị trường này. Đặc biệt, lưu ý hiện tượng nhiều doanh nghiệp da giày Trung Quốc đang có xu hướng dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam để tận dụng mức thuế suất thấp mà EU đang dành cho Việt Nam.

3.3. Sản phẩm gỗ:

Nguồn nguyên liệu của ngành gỗ, hiện nay chủ yếu là nhập khẩu từ Lào và Campuchia, trong khi đó nguồn gỗ tại 02 nước này đang dần cạn kiệt. Thêm vào đó, giá gỗ nguyên liệu trên thị trường Malaysia, Hoa kỳ, New Zealand đang tăng mạnh. Để chủ động nguyên liệu sản xuất trong các năm tới, ngành gỗ cần tập trung vào các giải pháp cơ bản:

- Đẩy mạnh đầu tư trồng rừng, vùng nguyên liệu để sản phẩm có sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các quốc gia khác và phát triển bền vững. Một số doanh nghiệp ngành gỗ bước đầu đã tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.

- Phát triển công nghiệp chế biến ván nhân tạo do hiện nay các nhà máy ván sợi nhân tạo MDF chưa đáp ứng được nhu cầu cả về chất lượng cũng như số lượng, mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu gần 1 triệu m³ ván nhân tạo.

- Hạn chế tiến tới chấm dứt xuất khẩu gỗ thô (dưới dạng gỗ tròn và gỗ xẻ bán thành phẩm) để ổn định nguồn cung và giá gỗ nguyên liệu trong nước.

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ đào tạo công nhân, chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu cho ngành gỗ và thủ công mỹ nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tạo dựng thương hiệu đồ gỗ Việt Nam

3.4. Thủy hải sản:

- Xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu để nâng cao chất lượng và hiệu quả xuất khẩu.

- Nhân rộng mô hình đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ chất lượng từ khâu đánh bắt, nuôi trồng đến khâu chế biến đến khâu thành phẩm sản phẩm xuất khẩu theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế HACCP, GMP... nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng các rào cản kỹ thuật của thị trường nhập khẩu lớn như Nhật Bản, EU, Trung Quốc... giúp doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên liệu và giảm bớt rủi ro khi gặp khó khăn chung do nền kinh tế thế giới suy giảm.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực như cá tra, cá basa, tôm và cá ngừ đại dương.

- Tuyên truyền, phổ biến sản xuất, chế biến, xuất khẩu theo mô hình sạch, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất, thức ăn không đảm bảo an toàn nhằm cung ứng ra thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, không dư lượng kháng sinh, theo đó từng bước hình thành việc xây dựng nguồn nguyên liệu tốt với sản phẩm có chỉ dẫn địa lý cụ thể, các sản phẩm Việt Nam vì thế sẽ có khả năng thâm nhập các thị trường khó tính như Châu Âu và Nhật Bản.

- Đa dạng hóa danh mục các sản phẩm chế biến nhằm nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng sở tại thông qua quảng bá thương hiệu và thâm nhập thị trường một cách trực tiếp tại hệ thống các siêu thị ở nước ngoài.

- Khuyến khích liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp chế biến xuất khẩu với người nuôi trồng thủy sản nhằm tạo nguồn nguyên liệu ổn định có chất lượng cao phục vụ tốt cho sản xuất xuất khẩu. Đây là vấn đề quan trọng trong việc thúc đẩy gia tăng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới.

3.5. Chế biến tinh lương thực - thực phẩm:

Xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ xuất khẩu thô, tập trung đầu tư chiều sâu cho sản phẩm tinh chế dựa trên ứng dụng công nghệ sinh học nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và giá trị xuất khẩu. Những công đoạn sơ chế nên thực hiện tại vùng nguyên liệu, nơi có sẵn lực lượng lao động đơn giản, thủ công.

Xây dựng chương trình nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng đối với ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm.

3.6. Sản phẩm công nghệ cao: là ngành hàng xuất khẩu cho lợi nhuận cao và có thị trường xuất khẩu lớn, đặc biệt khuyến khích đầu tư với quy mô lớn vào Khu Công nghệ cao của thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước về sản xuất sản phẩm công nghệ cao, chú trọng nghiên cứu và ươm tạo công nghệ cao thông qua chương trình ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp phụ trợ trong Khu Công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất lớn như Intel, Nidec...

- Khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm để xuất khẩu và thay

thể phần mềm nhập khẩu, phát triển các dịch vụ trực tuyến và đa truyền thông, nghiên cứu và phát triển (R&D)...

- Tiếp tục quy hoạch, mở rộng quy mô để triển khai các dự án sản xuất điện tử - tin học phần mềm, dịch vụ giá trị gia tăng cao tại Khu Công nghệ cao, Công viên Phần mềm Quang Trung, Khu C30-Tân Bình, Nam Sài Gòn - Quận 7.

- Xây dựng cơ chế thu thập dữ liệu, cập nhật thông tin các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tập trung vốn tín dụng ưu tiên phục vụ phát triển sản xuất, nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ.

- Đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu.

- Tăng cường kết nối giữa các hệ thống tài chính với doanh nghiệp nhằm tận dụng tốt các dịch vụ tài chính hỗ trợ xuất khẩu như tín dụng, bảo hiểm cho hoạt động xuất khẩu.

- Giảm chi phí sản xuất nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa ở cả doanh nghiệp và nhà nước. Về phía doanh nghiệp cải tiến quy trình, tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Về phía các cơ quan nhà nước tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng mở, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thông quan hàng hóa, giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí, có điều kiện tận dụng cơ hội giảm giá do suy thoái của thị trường thế giới nhằm tạo một mặt bằng chung với thị trường thế giới và kích thích hoạt động sản xuất tiêu dùng.

5. Giải pháp về đào tạo và thu hút nguồn nhân lực:

- Nâng cao chất lượng đào tạo tri thức, chú trọng đào tạo nghề và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Nghiên cứu và phát triển các mô hình đào tạo có sự liên kết giữa doanh nghiệp và tổ chức đào tạo. Ưu tiên hỗ trợ chính sách cho tổ chức đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành ưu tiên phát triển xuất khẩu của thành phố theo từng giai đoạn.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu để tạo thế mạnh của thành phố trong tương lai phù hợp định hướng phát triển các ngành dịch vụ.

6. Giải pháp về kiểm soát nhập khẩu:

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu, chống buôn lậu, chống hàng giả và chống gian lận thương mại. Hạn chế nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng chưa thiết yếu, hàng trong nước sản xuất được.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất các cơ quan chức năng của Trung ương về các biện pháp hạn chế nhập khẩu, các biện pháp kỹ thuật cần áp dụng phù hợp với lợi ích của thành phố và cả nước.

- Tích cực tuyên truyền vận động người tiêu dùng và doanh nghiệp thực hiện chủ trương người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam thay thế hàng nhập khẩu.

- Chỉ đạo các Tổng Công ty, Công ty nhà nước đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thay thế nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, góp phần hạn chế nhập khẩu.

- Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại trong nước, tạo cơ hội kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu với doanh nghiệp sử dụng các loại máy móc, thiết bị và hàng hóa này.

- Thường xuyên theo dõi, thống kê các mặt hàng tiêu dùng, nông sản, thực phẩm, phân bón, sắt thép,... nhập khẩu có biến động lớn về kim ngạch, tổ chức phân tích, đánh giá tình hình nhập khẩu, báo cáo Thành phố, Bộ Công Thương để có cơ sở kiểm soát, quản lý kịp thời.

7. Giải pháp về nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; Hiệp hội, hội ngành nghề và các doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu:

7.1. Cơ quan quản lý Nhà nước:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và biện pháp quản lý kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu; đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác quản lý xuất nhập khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực hải quan.

- Tăng cường đối thoại giữa Lãnh đạo thành phố, Sở, ngành chức năng với các Hiệp hội ngành hàng nhằm kịp thời có những giải pháp hỗ trợ xuất khẩu cho doanh nghiệp.

- Nâng cao khả năng dự báo, phòng ngừa và tập trung tháo gỡ các vướng mắc về thị trường, rào cản thương mại.

- Tăng cường công tác hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn và cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp xuất khẩu về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế.

- Đẩy mạnh vai trò của các Tổng Công ty thành phố trong việc thực hiện xuất khẩu.

- Nhận diện các sản phẩm riêng của Thành phố có giá trị gia tăng cao so với các sản phẩm thâm dụng lao động, sử dụng nhiều nguồn nguyên liệu nhập khẩu, để từ đó xây dựng giải pháp thiết thực, kiến nghị cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển.

- Trong xu hướng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, xuất nhập khẩu bị cạnh tranh gay gắt, hàng rào kỹ thuật thương mại của các nước sở tại ngày càng nhiều, tác động không nhỏ đến sản xuất trong nước. Do vậy, về lâu dài Thành phố cần có Hội đồng tư vấn hàng rào kỹ thuật thương mại để hỗ trợ tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7.2. Các hiệp hội, hội ngành hàng:

- Tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn sâu hỗ trợ xuất khẩu cho doanh nghiệp, để thực sự là cầu nối hữu hiệu giữa cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước. Thực hiện tốt vai trò đại diện doanh nghiệp trong các vụ kiện từ phía nhà nhập khẩu quốc tế, đặc biệt là các vụ kiện về chống bán phá giá.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, thực hiện tốt công tác tổ chức thông tin ngành hàng, định hướng sản xuất và tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế với các tổ chức, hiệp hội ngành nghề trong khu vực và trên thế giới nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ năng chuyên môn, công nghệ và kinh nghiệm hoạt động.

- Cải tiến hoạt động và vai trò của Câu lạc bộ doanh nghiệp Xuất khẩu (VEXA), tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xuất khẩu ở Thành phố.

7.3. Đối với doanh nghiệp:

Với vai trò trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa và xuất khẩu, các doanh nghiệp cần chủ động tận dụng các lợi thế từ hội nhập kinh tế quốc tế gồm chính sách thuế, hải quan, ưu đãi thương mại và đầu tư, nhằm tiếp cận và mở rộng thị trường xuất khẩu, đổi mới tổ chức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần tập trung vào xử lý tốt một số vấn đề trọng tâm:

- Đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu.

- Tích cực thực hiện mô hình quản trị doanh nghiệp, quản lý chất lượng sản phẩm xuất khẩu, đổi mới công tác quản trị nhân lực nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu.

- Tăng cường sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu như dịch vụ tư vấn, dịch vụ nghiên cứu và khai thác thị trường, dịch vụ pháp lý... để nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Đổi mới phương thức kinh doanh: đối với ngành dệt may, da giày thì mạnh dạn chuyển dần từ phương thức gia công sang xuất FOB; các ngành khác thì chuyển điều kiện giao hàng từ FOB sang CIF hoặc C&F để tận thu nguồn kim ngạch xuất khẩu.

- Tích cực áp dụng những công cụ, giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng phù hợp với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sản xuất theo tiêu chuẩn (cả tiêu chuẩn sản phẩm và tiêu chuẩn quản lý) phải trở thành nguyên tắc hoạt động của doanh nghiệp, phấn đấu 100% sản phẩm xuất khẩu đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam và quốc tế.

- Khai thác hiệu quả những tiện ích của công nghệ thông tin và đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, nhanh chóng nắm bắt nhu cầu của khách hàng, tiết kiệm chi phí giao dịch, quảng cáo... thông qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật thương mại quốc tế để sẵn sàng đối phó với tranh chấp thương mại trên thị trường ngoài nước cũng như chủ động yêu cầu Chính phủ có biện pháp xử lý khi các đối tác nước ngoài có các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường Việt Nam (bán phá giá, trợ cấp).

- Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, chú trọng xây dựng và phát triển hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

- Chủ động và tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển thương mại - xuất khẩu, chương trình xúc tiến thương mại của Trung ương và địa phương; phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội ngành hàng và các tổ chức nghề nghiệp hỗ trợ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ:

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu ở Thành phố giai đoạn 2011 - 2015, cần triển khai 4 chương trình nhánh (phụ lục đính kèm), như sau:

1. Chương trình phát triển ngành Công nghiệp hỗ trợ trong Khu Công nghệ cao

Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố.

2. Chương trình nâng cao tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm và xây dựng sản phẩm nông sản chế biến cao cấp xuất khẩu với giá trị gia tăng cao.

Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương.

3. Chương trình hỗ trợ tiếp cận thị trường xuất khẩu

Đơn vị chủ trì: Trung tâm WTO Thành phố thuộc Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố.

4. Chương trình hỗ trợ đào tạo công nhân, chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu cho ngành gỗ và thủ công mỹ nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tạo dựng thương hiệu đồ gỗ Việt Nam

Đơn vị chủ trì: Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Các đơn vị chủ trì phối hợp với các sở ngành và đơn vị có liên quan xây dựng chương trình chi tiết và dự toán kinh phí triển khai thực hiện gửi về Sở Công Thương, Sở Tài chính. Sở Công Thương chủ trì mời các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 thông qua nội dung chương trình thực hiện, trên cơ sở ý kiến của Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu, Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong Quý 4 năm 2012.

- Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở ngành liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu giai đoạn 2011 - 2015 trình Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành trong quý 4 năm 2012.

- Định kỳ hàng quý, các Sở, ngành, đơn vị báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình nhánh được giao chủ trì thực hiện gửi về Sở Công Thương (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Sở Công Thương là thường trực chịu trách nhiệm theo dõi triển khai thực hiện nội dung Chương trình này, theo đó: cung cấp thông tin, dự báo; theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện nội dung Chương trình; đôn đốc nhắc nhở các Sở, ngành

liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy tiến độ để thực hiện các mục tiêu được nêu trong Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu Thành phố giai đoạn 2011 - 2015./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC

Các Chương trình nhánh của Chương trình Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên Chương trình	Đơn vị chủ trì triển khai	Cơ quan phối hợp	Mục tiêu	Thời gian thực hiện
1	Chương trình phát triển ngành Công nghiệp hỗ trợ trong Khu Công nghệ cao	Ban quản lý Khu Công nghệ cao	Sở Công Thương, Viện Nghiên cứu phát triển, các hiệp hội ngành hàng và các Sở, ban, ngành.	Giảm nhập siêu, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ cao và tăng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao có hàm lượng nội địa hóa và đóng góp tăng trưởng GDP.	2012 - 2015
2	Chương trình nâng cao tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm và xây dựng sản phẩm nông sản chế biến cao cấp xuất khẩu với giá trị gia tăng cao	Sở Công Thương	Hội Lương thực - thực phẩm TP, Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ITPC, Công ty Lương thực TP, các doanh nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm xuất khẩu và các Sở - ban, ngành.	Tập trung nâng cao tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm và nông sản xuất khẩu.	2012 - 2015

STT	Tên Chương trình	Đơn vị chủ trì triển khai	Cơ quan phối hợp	Mục tiêu	Thời gian thực hiện
3	Chương trình hỗ trợ đào tạo công nhân, chuyên gia kỹ thuật ngành gỗ	Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ	Sở Công Thương, ITPC, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành khác	Tập trung nâng cao tay nghề của chuyên gia, công nhân tại các doanh nghiệp và đào tạo mới các chuyên gia, công nhân kỹ thuật phục vụ cho việc sản xuất đồ gỗ để nâng cao giá trị gia tăng và tạo dựng thương hiệu ngành gỗ Việt Nam	2012 - 2015
4	Chương trình hỗ trợ tiếp cận thị trường xuất khẩu	Trung tâm WTO Thành phố thuộc Viện Nghiên cứu phát triển	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, ITPC, Hiệp hội doanh nghiệp và các hội ngành hàng.	Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu thông qua hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn và tham mưu chính sách để doanh nghiệp nắm bắt thông tin cụ thể và cần thiết về các thị trường xuất khẩu cũng như kịp thời kiến nghị thành phố có những chính sách và giải pháp phù hợp.	2012 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ